

DANH SÁCH SỐ THỨ TỰ - NỘP HỒ SƠ NHẬP HỌC VÀO 10
NĂM HỌC 2026-2027

SỐ THỨ TỰ	Họ và tên	Số báo danh
1	Đỗ Thị Thu An	229640
2	Dương Vương Mai An	244992
3	Hoàng Thị Hoài An	244993
4	Nguyễn An An	229644
5	Nguyễn Đặng Trường An	231050
6	Nguyễn Lê Phương An	242793
7	Nguyễn Ngọc Hoài An	229646
8	Nguyễn Thị Trúc An	229652
9	Phạm Hà Khánh An	229654
10	Phạm Hoài An	229655
11	Trần Lê Thùy An	232641
12	Trương Trần Hoài An	229658
13	Vũ Đức Thiên An	231067
14	Hoàng Bảo Ân	240791
15	Nguyễn Ngọc Hồng Ân	231070
16	Vũ Trường Ân	242838
17	Đặng Châu Anh	245044
18	Đặng Phạm Quỳnh Anh	231073
19	Đinh Lê Vân Anh	229661
20	Đỗ Trần Tuấn Anh	272935
21	Đỗ Tuấn Anh	231080
22	Dương Thị Tuyết Anh	229664
23	Hồ Phương Anh	231088
24	Huỳnh Phương Minh Anh	232667
25	Lê Ngọc Minh Anh	229669
26	Lê Phương Anh	229672
27	Lê Thị Minh Anh	272946
28	Lê Thị Vân Anh	229674
29	Lư Võ Minh Anh	229676
30	Ngô Nghiêm Quốc Anh	231107
31	Nguyễn Hoàng Tiến Anh	245104
32	Nguyễn Kỳ Anh	231116
33	Nguyễn Ngọc Kiều Anh	245120
34	Nguyễn Ngọc Quỳnh Anh	242894
35	Nguyễn Quang Anh	229687
36	Nguyễn Thị Nguyệt Anh	232699
37	Nguyễn Thị Phương Anh	229691
38	Nguyễn Thị Phương Anh	242909
39	Nguyễn Thị Tú Anh	272974
40	Nguyễn Trâm Anh	232704

SỐ THỨ TỰ	Họ và tên	Số báo danh
41	Nguyễn Tuấn Anh	231132
42	Phạm Mai Anh	229695
43	Phạm Minh Anh	232711
44	Phạm Quỳnh Anh	229697
45	Phạm Vũ Huyền Anh	229698
46	Tạ Trâm Anh	229700
47	Trần Minh Anh	229703
48	Trần Ngọc Quỳnh Anh	307049
49	Trần Phương Anh	229706
50	Trần Phương Anh	229705
51	Trịnh Bảo Quỳnh Anh	245179
52	Trương Hoài Anh	229709
53	Trương Ngọc Phương Anh	229710
54	Trương Ngọc Quỳnh Anh	229711
55	Trương Phạm Vân Anh	242943
56	Trương Võ Thảo Anh	229713
57	Văn Công Tuấn Anh	231160
58	Võ Tuấn Anh	229714
59	Trần Xuân Ánh	229722
60	Vũ Lê Nguyệt Ánh	229723
61	Nguyễn Phước Bách	229725
62	Phạm Bách	229726
63	Nguyễn Khánh Băng	231177
64	Đoàn Quốc Bảo	282679
65	Dương Gia Bảo	231183
66	Hoàng Gia Bảo	273007
67	Huỳnh Gia Bảo	231185
68	Huỳnh Phước Gia Bảo	229735
69	Lê Hồ Thái Bảo	229738
70	Lưu Hoàng Bảo	229742
71	Lưu Nguyễn Phước Bảo	229743
72	Nguyễn Duy Bảo	229747
73	Nguyễn Gia Bảo	243000
74	Nguyễn Gia Bảo	229748
75	Nguyễn Hồ Gia Bảo	229749
76	Nguyễn Văn Hoài Bảo	229752
77	Nguyễn Văn Thiện Bảo	229753
78	Phạm Gia Bảo	229754
79	Phạm Thiên Hoàng Bảo	229756
80	Sơn Quốc Bảo	307100

DANH SÁCH SỐ THỨ TỰ - NỘP HỒ SƠ NHẬP HỌC VÀO 10
NĂM HỌC 2026-2027

SỐ THỨ TỰ	Họ và tên	Số báo danh
81	Trương Gia Bảo	229759
82	Vũ Thiên Gia Bảo	229762
83	Trần Văn Bích	232778
84	Đình Hà Thanh Bình	229764
85	Dương Nguyễn Thanh Bình	229765
86	Nguyễn Thị Phước Bình	229768
87	Trần Thị Thanh Bình	232784
88	Nguyễn Võ Hồng Cẩm	229769
89	Huỳnh Cat Cathy	229770
90	Cao Minh Châu	229772
91	Hoàng Đình Kim Châu	307126
92	Lê Ngọc Minh Châu	240962
93	Mai Đỗ Bảo Châu	229777
94	Nguyễn Bảo Châu	285621
95	Nguyễn Hải Loan Châu	245274
96	Vũ Ngọc Trân Châu	231224
97	Hà Ngọc Linh Chi	231227
98	Hoàng Trần Linh Chi	243063
99	Trần Đăng Chung	232815
100	Phạm Thành Công	229793
101	Nguyễn Đỗ Kim Cúc	235444
102	Nguyễn Ngọc Kim Cương	229795
103	Huỳnh Quốc Cường	245311
104	Lê Đình Minh Cường	232818
105	Nguyễn Phú Cường	243079
106	Phạm Trí Cường	229797
107	Bùi Minh Đại	229798
108	Nguyễn Phan Vĩnh Đan	229801
109	Nguyễn Thị Linh Đan	229802
110	Nguyễn Trương Khánh Đan	213998
111	Lê Hải Đăng	229808
112	Nguyễn Hoàng Hải Đăng	229810
113	Nguyễn Minh Đăng	273069
114	Nguyễn Ngọc Đăng	229811
115	Trần Hải Đăng	245346
116	Trịnh Hoàng Khánh Đăng	245348
117	Nguyễn Lê Thành Danh	243104
118	Nguyễn Thành Danh	229814
119	Trương Quốc Danh	229816
120	Đình Xuân Trúc Đào	245355

SỐ THỨ TỰ	Họ và tên	Số báo danh
121	Huỳnh Gia Đạt	229817
122	Nguyễn Gia Đạt	229821
123	Nguyễn Lê Thành Đạt	229822
124	Nguyễn Tiến Đạt	229828
125	Nguyễn Tiến Đạt	243129
126	Trương Thành Đạt	231280
127	Võ Minh Đạt	232850
128	Nguyễn Huỳnh Trúc Diễm	273083
129	Nguyễn Ngọc Diễm	231282
130	Trần Thị Trúc Diễm	229834
131	Nguyễn Huyền Diệp	229837
132	Phan Thái Ngọc Diệp	245397
133	Huỳnh Thị Ngọc Diệu	231290
134	Nguyễn Ngọc Định	229843
135	Hoàng Bách Du	229851
136	Hồ Anh Đức	232871
137	Lương Minh Đức	229854
138	Nguyễn Minh Đức	229855
139	Trần Lê Anh Đức	229860
140	Kha Ngọc Kim Dung	229865
141	Ngô Phương Dung	241080
142	Nguyễn Lê Viên Dung	241081
143	Nguyễn Thị Thùy Dung	229867
144	Hoàng Huy Dũng	204514
145	Hoàng Khắc Dũng	229871
146	Lê Mạnh Dũng	243192
147	Lê Tiến Dũng	229873
148	Nguyễn Sĩ Dũng	231313
149	Phạm Mạnh Dũng	232890
150	Vũ Mạnh Dũng	245442
151	Nguyễn Hoàng Thùy Dương	231321
152	Trần Sang Dương	229890
153	Trần Thái Dương	229891
154	Bùi Minh Duy	229892
155	Hồ Quảng Duy	231329
156	Lý Hoàng Duy	273125
157	Nguyễn Duy	231334
158	Nguyễn Khánh Duy	229897
159	Nguyễn Minh Duy	232909
160	Phạm Huỳnh Thanh Duy	229899

DANH SÁCH SỐ THỨ TỰ - NỘP HỒ SƠ NHẬP HỌC VÀO 10
NĂM HỌC 2026-2027

SỐ THỨ TỰ	Họ và tên	Số báo danh
161	Phan Đức Duy	229900
162	Kỳ Mỹ Duyên	307232
163	Phan Trần Khánh Duyên	232919
164	Trần Nguyễn Thùy Duyên	231347
165	Hồ Hương Giang	245483
166	Tổng Trường Giang	229914
167	Danh Thị Thanh Hà	229918
168	Nguyễn Minh Hà	229925
169	Nguyễn Ngọc Hà	229927
170	Nguyễn Ngọc Thanh Hà	245516
171	Huỳnh Thanh Hải	273159
172	Ngô Thanh Hải	229937
173	Nguyễn Hoàng Hải	231382
174	Thái Đình Hoàng Hải	229942
175	Trần Xuân Hải	245537
176	Bùi Hoàng Gia Hân	231389
177	Dương Gia Hân	229947
178	Hồ Ngọc Hân	229948
179	Lê Nguyễn Khánh Hân	229951
180	Lê Trần Ngọc Hân	229953
181	Nguyễn Bảo Hân	307266
182	Nguyễn Ngọc Hân	229958
183	Nguyễn Võ Ngọc Hân	229961
184	Phạm Ngọc Gia Hân	229962
185	Phạm Nguyễn Ngọc Hân	229963
186	Phan Ngọc Bảo Hân	229964
187	Trần Đặng Gia Hân	229966
188	Võ Ngọc Gia Hân	229968
189	Bùi Thị Minh Hằng	245607
190	Đỗ Thúy Hằng	231420
191	Lê Kim Hằng	232990
192	Lương Phạm Mỹ Hằng	229971
193	Nguyễn Thanh Hằng	229972
194	Nguyễn Thúy Hằng	229974
195	Trịnh Thị Phương Hằng	231425
196	Hồ Tấn Anh Hào	231430
197	Phan Gia Hào	273208
198	Phan Trọng Hào	229979
199	Nguyễn Trung Hậu	229982
200	Nguyễn Thị Thu Hiền	231443

SỐ THỨ TỰ	Họ và tên	Số báo danh
201	Nguyễn Chánh Hiệp	229986
202	Vũ Hoàng Hiệp	233008
203	Lê Văn Hiếu	273226
204	Lê Văn Trung Hiếu	229991
205	Lư Minh Hiếu	229992
206	Nguyễn Trọng Hiếu	229994
207	Trần Minh Hiếu	229996
208	Trần Trung Hiếu	233022
209	Vũ Minh Hiếu	229998
210	Vy Ngọc Hiếu	229999
211	Lê Phước Hòa	231469
212	Vũ Thị Duyên Hòa	230001
213	Ngô Thị Thúy Hoài	307326
214	Lưu Thị Hoan	230002
215	Cần Xuân Hoàng	233038
216	Đào Lê Hữu Hoàng	231476
217	Lê Minh Hoàng	230005
218	Nguyễn Huy Hoàng	233046
219	Trần Minh Hoàng	230011
220	Nguyễn Văn Huân	230015
221	Lê Mạnh Hùng	245683
222	Phạm Huy Hùng	230020
223	Lê Quốc Hưng	241309
224	Nguyễn Mai Tuấn Hưng	230026
225	Nguyễn Phú Hưng	243399
226	Phạm Gia Hưng	273269
227	Trần Duy Hưng	233070
228	Võ Hà Gia Hưng	231498
229	Lê Thị Quỳnh Hương	231503
230	Bùi Thanh Huy	230036
231	Đặng Quốc Huy	230037
232	Lê Bảo Huy	230043
233	Lương Gia Huy	245727
234	Ngô Quốc Huy	230048
235	Nguyễn Cao Gia Huy	230049
236	Nguyễn Lâm Huy	230054
237	Nguyễn Lê Minh Huy	230055
238	Nguyễn Văn Huy	230058
239	Phạm Quang Huy	233105
240	Phạm Tuấn Huy	230061

DANH SÁCH SỐ THỨ TỰ - NỘP HỒ SƠ NHẬP HỌC VÀO 10
NĂM HỌC 2026-2027

SỐ THỨ TỰ	Họ và tên	Số báo danh
241	Tăng Hoàng Khánh Huy	245750
242	Trần Nhật Huy	230067
243	Trần Nhật Huy	230068
244	Trương Tuấn Huy	230069
245	Vũ Quang Huy	233117
246	Đỗ Ngọc Khánh Huyền	230072
247	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	231557
248	Nguyễn Minh Kha	273310
249	Dương Hoàng Khang	231569
250	Dương Minh Khang	230085
251	Lê Bảo Khang	230088
252	Lưu Hoàng Vĩnh Khang	231575
253	Lưu Phúc Khang	230090
254	Lý Phúc Khang	230091
255	Nguyễn Khang	230092
256	Nguyễn Chí An Khang	245799
257	Nguyễn Duy Khang	243503
258	Nguyễn Duy Khang	233142
259	Nguyễn Gia Khang	231579
260	Nguyễn Hoàng Gia Khang	230094
261	Nguyễn Lê Phúc An Khang	230095
262	Nguyễn Phúc Khang	230100
263	Nguyễn Phúc Khang	230099
264	Nguyễn Phúc Khang	230098
265	Nguyễn Sỹ Khang	230102
266	Phạm Gia Khang	245826
267	Phạm Nguyễn Bảo Khang	231594
268	Phan Phúc Khang	230108
269	Trần Nhật Khang	245835
270	Trần Trọng Khang	273335
271	Trịnh Huỳnh Minh Khang	230118
272	Trương Dương Bảo Khang	230119
273	Nguyễn Trần Phương Khanh	285969
274	Hồ Ngọc Minh Khánh	230123
275	Hồ Thiên Khánh	233161
276	Lê Nguyễn Duy Khánh	230125
277	Ngô Gia Khánh	214266
278	Nguyễn Ngọc Khánh	230128
279	Phạm Vân Khánh	245878
280	Trần Hoàng Khánh	230133

SỐ THỨ TỰ	Họ và tên	Số báo danh
281	Trịnh Nguyễn My Khánh	230136
282	Hồ Đăng Khoa	230139
283	Lê Anh Khoa	233174
284	Ngô Đăng Anh Khoa	243580
285	Nguyễn Anh Khoa	241500
286	Nguyễn Đăng Khoa	273348
287	Nguyễn Đăng Khoa	241501
288	Nguyễn Duy Khoa	230146
289	Nguyễn Ngọc Anh Khoa	230148
290	Phạm Đỗ Đăng Khoa	230149
291	Trần Công Khoa	276436
292	Trần Minh Khoa	243596
293	Lê Doãn Khôi	233193
294	Lê Minh Khôi	230156
295	Nguyễn Anh Khôi	230159
296	Nguyễn Đăng Khôi	230160
297	Nguyễn Phúc Đăng Khôi	230162
298	Nguyễn Trương Anh Khôi	273367
299	Nguyễn Viết Hoàng Khôi	231635
300	Phạm Đăng Khôi	241542
301	Trần Đăng Khôi	230165
302	Trần Nguyễn Đăng Khôi	230166
303	Trần Tuấn Khôi	307465
304	Vũ Nguyên Khôi	274657
305	Vũ Trọng Khôi	233204
306	Nguyễn Văn Lý Kiên	231646
307	Phạm Gia Kiên	230171
308	Đào Tuấn Kiệt	245984
309	Mai Văn Tuấn Kiệt	230174
310	Nguyễn Huỳnh Tấn Kiệt	230178
311	Phạm Vũ Anh Kiệt	230179
312	Trần Gia Kiệt	245999
313	Trần Tuấn Kiệt	230181
314	Lê Thủy Hoàng Kim	248387
315	Nguyễn Trương Hoàng Kim	230185
316	Phạm Thị Thiên Kim	273388
317	Nguyễn Bảo Kỳ	230188
318	Nguyễn Chu Minh Kỳ	230189
319	Nguyễn Ngọc Quỳnh Lam	233231
320	Hoàng Lê Hải Lâm	230198

DANH SÁCH SỐ THỨ TỰ - NỘP HỒ SƠ NHẬP HỌC VÀO 10
NĂM HỌC 2026-2027

SỐ THỨ TỰ	Họ và tên	Số báo danh
321	Nguyễn Hoàng Lâm	231670
322	Nguyễn Hoàng Lâm	230199
323	Nguyễn Sơn Lâm	233240
324	Phạm Trần Lâm	230204
325	Trần Hoàng Trúc Lâm	246039
326	Hoàng Thị Hương Lan	230205
327	Mạch Vũ Bảo Lan	273404
328	Nguyễn Thị Ngọc Lan	230208
329	Lương Ngô Kim Lân	273405
330	Phạm Ngọc Pha Lê	230209
331	Nguyễn Gia Lễ	233249
332	Bùi Phương Linh	246055
333	Đặng Bảo Linh	230211
334	Đình Nguyễn Khánh Linh	246060
335	Dương Khánh Linh	230212
336	Hoàng Nguyễn Trúc Linh	230213
337	Lê Song Uyên Linh	230215
338	Lê Thị Gia Linh	246073
339	Ngô Hoàng Khánh Linh	230220
340	Nguyễn Ngọc Khánh Linh	246079
341	Nguyễn Thị Khánh Linh	230227
342	Nguyễn Trần Tuyết Linh	307531
343	Trần Bảo Yến Linh	230230
344	Trần Ngọc Linh	273441
345	Trần Ngọc Ánh Linh	231705
346	Trần Phương Linh	233281
347	Cao Tiến Lộc	230237
348	Dương Trường Lộc	230238
349	Lê Quốc Lộc	231717
350	Nguyễn Thị Thảo Lộc	230243
351	Trần Phước Lộc	230245
352	Trần Quang Lộc	231722
353	Vũ Dương Hoàng Lộc	231724
354	Đỗ Minh Lợi	241690
355	Hồ Tuấn Long	230249
356	Lê Hoàng Bảo Long	283030
357	Lê Nguyễn Nhật Long	270650
358	Lư Văn Long	231732
359	Nguyễn Long	241697
360	Nguyễn Hoàng Long	230254

SỐ THỨ TỰ	Họ và tên	Số báo danh
361	Nguyễn Thạch Long	231737
362	Nguyễn Thanh Long	231739
363	Tổng Vũ Quang Long	307561
364	Trương Hoàng Long	233305
365	Trương Thành Long	231745
366	Từ Hoàng Long	230260
367	Nguyễn Phạm Khánh Ly	230268
368	Tạ Phương Mai	230272
369	Trần Phương Mai	231761
370	Trần Thị Xuân Mai	230274
371	Đào Gia Mẫn	230275
372	Nguyễn Duy Mạnh	307576
373	Huỳnh Thị Hòa Mi	230279
374	Trần Hà Mi	246171
375	Trần Thảo Mi	233325
376	Dương Lê Tấn Minh	273501
377	Huỳnh Thị Ngọc Minh	307587
378	Lê Đức Minh	230285
379	Lê Tiến Minh	231779
380	Nguyễn Lê Minh	307596
381	Nguyễn Nhật Minh	230297
382	Ninh Ngọc Minh	230301
383	Phan Vũ Bình Minh	230305
384	Trần Doãn Bảo Minh	243878
385	Trương Quốc Minh	230306
386	Bùi Trần Phương My	230309
387	Đặng Nguyễn Ngọc My	230311
388	Hoàng Trà My	233349
389	La Quan Tuyết My	230316
390	Lại Võ Hà My	246226
391	Lê Đặng Trà My	230317
392	Lê Thùy Giáng My	230319
393	Nguyễn Hoàng Trà My	233354
394	Nguyễn Huỳnh Diễm My	230324
395	Nguyễn Ngọc Hà My	230326
396	Nguyễn Ngọc Xuân My	231810
397	Phạm Ngọc Tuyết My	230331
398	Đỗ Thị Ngọc Mỹ	230336
399	Lư Trần Nhân Mỹ	231821
400	Trần Ngọc Hoàn Mỹ	230337

DANH SÁCH SỐ THỨ TỰ - NỘP HỒ SƠ NHẬP HỌC VÀO 10
NĂM HỌC 2026-2027

SỐ THỨ TỰ	Họ và tên	Số báo danh
401	Hoàng Bảo Nam	230339
402	Lê Nhất Nam	230341
403	Nguyễn Thanh Nam	230350
404	Son Huỳnh Trung Nam	230352
405	Trần Nhật Nam	230353
406	Giáp Thị Nguyệt Nga	230356
407	Phan Phương Nga	231850
408	Cao Ngọc Khánh Ngân	230359
409	Hà Ngọc Ngân	246291
410	Lại Ngọc Mỹ Ngân	230364
411	Lê Nguyễn Kim Ngân	230365
412	Lê Phạm Kim Ngân	246295
413	Nguyễn Hoàng Bảo Ngân	230369
414	Nguyễn Thị Kim Ngân	230371
415	Nguyễn Vũ Hoàng Ngân	230374
416	Nguyễn Vũ Kim Ngân	231867
417	Ninh Thị Hồng Ngân	230375
418	Phạm Thị Thanh Ngân	246313
419	Phan Bích Ngân	243968
420	Trần Thanh Ngân	230380
421	Trương Lê Ngân	230382
422	Nguyễn Huỳnh Gia Nghi	230384
423	Nguyễn Huỳnh Gia Nghi	230385
424	Nguyễn Phạm Triều Nghi	230386
425	Võ Nguyệt Nghi	230389
426	Bùi Xuân Nghĩa	231884
427	Nguyễn Hoàng Hữu Nghĩa	230392
428	Nguyễn Minh Nghĩa	230393
429	Võ Gia Nghiệp	230396
430	Bùi Hồng Ngọc	233429
431	Đoàn Thanh Bảo Ngọc	230399
432	Hồ Trần Bảo Ngọc	230402
433	Huỳnh Thanh Ngọc	230405
434	Lê Hoàng Bảo Ngọc	287941
435	Lữ Thị Bảo Ngọc	273594
436	Ngô Hồng Ngọc	231903
437	Nguyễn Bảo Ngọc	230412
438	Nguyễn Hoàng Bảo Ngọc	249290
439	Nguyễn Ngô Hương Ngọc	230415
440	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	231912

SỐ THỨ TỰ	Họ và tên	Số báo danh
441	Nguyễn Yến Ngọc	230423
442	Phạm Thị Khánh Ngọc	231920
443	Phùng Thị Yến Ngọc	230425
444	Trần Bảo Ngọc	307708
445	Trần Huỳnh Kim Ngọc	230427
446	Trần Lê Ánh Ngọc	230428
447	Trần Nguyễn Khánh Ngọc	230430
448	Trịnh Kim Ngọc	231924
449	Võ Huỳnh Bảo Ngọc	307710
450	Vũ Lê Bảo Ngọc	307711
451	Bùi Thị Thanh Nguyên	231930
452	Lê Khôi Nguyên	230437
453	Lê Nguyễn Diệu Nguyên	230438
454	Lê Thành Nguyên	231941
455	Nguyễn Hoài Khôi Nguyên	246428
456	Nguyễn Thảo Nguyên	231952
457	Trần Thảo Nguyên	233476
458	Vũ Hạnh Nguyên	249314
459	Hoàng Lê Nguyễn	273625
460	Nguyễn Ngọc Nhã	230450
461	Huỳnh Trọng Nhân	241979
462	Lê Quý Nhân	230457
463	Lê Trí Thành Nhân	246469
464	Lê Trọng Nhân	230458
465	Nguyễn Thiện Nhân	230460
466	Nguyễn Văn Nhân	233488
467	Tôn Ngọc Thiện Nhân	230463
468	Trần Hoàng Nhân	230464
469	Lê Quang Nhật	230468
470	Nguyễn Hoài Minh Nhật	231978
471	Nguyễn Minh Nhật	230470
472	Đàm Lê Yến Nhi	241998
473	Giang Ứng Nhi	244146
474	Huỳnh Lê Nhi	230478
475	Lê Huỳnh Bảo Nhi	230480
476	Nguyễn Đàm Phương Nhi	244152
477	Nguyễn Thị Mai Nhi	246515
478	Nguyễn Trần Yến Nhi	246516
479	Phạm Quách Hiếu Nhi	307765
480	Quách Thị Ngọc Nhi	230496

DANH SÁCH SỐ THỨ TỰ - NỘP HỒ SƠ NHẬP HỌC VÀO 10
NĂM HỌC 2026-2027

SỐ THỨ TỰ	Họ và tên	Số báo danh
481	Cao Thị Quỳnh Như	230506
482	Nguyễn Hoàng Tuyết Như	230513
483	Nguyễn Lâm Tâm Như	230514
484	Nguyễn Ngọc Bảo Như	242053
485	Nguyễn Quỳnh Như	307790
486	Nguyễn Quỳnh Như	232029
487	Nguyễn Quỳnh Như	230517
488	Nguyễn Thị Ngọc Như	230518
489	Nguyễn Thiện Quỳnh Như	232033
490	Phạm Ý Như	233533
491	Phan Bảo Như	230519
492	Tạ Ngọc Như	233535
493	Trần Nguyễn Quỳnh Như	230521
494	Trần Trương Mỹ Như	273693
495	Nguyễn Thị Hồng Nhung	232049
496	Cao Minh Nhựt	230524
497	Huỳnh Minh Nhựt	233546
498	Võ Minh Nhựt	230525
499	Nông Thị Ngọc Hân Niê	258755
500	Nguyễn Trần Mai Nương	233547
501	Cao Gia Phát	230527
502	Diệp Đặng Đức Phát	244231
503	Đỗ Đại Phát	230529
504	Lê Văn Phát	230532
505	Nguyễn Châu Tấn Phát	230536
506	Nguyễn Công Phát	244237
507	Nguyễn Ngọc Phát	233559
508	Nguyễn Văn Tấn Phát	246589
509	Phan Đăng Phát	230541
510	Phùng Tấn Phát	232072
511	Tân Minh Phát	230544
512	Thái Hồng Phát	230545
513	Trần Gia Phát	233568
514	Trần Hùng Tấn Phát	230548
515	Trần Văn Phát	230553
516	Vũ Cao Gia Phát	273724
517	Vũ Tân Phát	232081
518	Đình Hoàng Phi	246600
519	Bùi Tiến Phong	230554
520	Dương Thanh Phong	230555

SỐ THỨ TỰ	Họ và tên	Số báo danh
521	Huỳnh Đình Phong	232087
522	Nguyễn Đăng Thiên Phong	232091
523	Nguyễn Hiếu Việt Phong	230558
524	Vũ Thanh Phong	232098
525	Đình Đại Phú	249395
526	Vũ Văn Phú	273739
527	Huỳnh Đào Duyên Phúc	246649
528	Lâm Phúc	247843
529	Lương Bảo Phúc	230579
530	Ngô Phi Phúc	273744
531	Nguyễn Hoàng Thiên Phúc	246663
532	Nguyễn Hồng Phúc	230582
533	Nguyễn Lê An Phúc	230583
534	Nguyễn Trọng Phúc	230585
535	Phạm Nguyễn Hồng Phúc	234903
536	Đặng Hữu Phước	230593
537	Dương Hoàng Thiên Phước	232128
538	Lê Trung Phước	230594
539	Mai Thái Phước	230595
540	Phan Thiên Phước	230597
541	Bùi Duy Phương	230598
542	Lương Ngọc Lan Phương	230605
543	Lưu Nguyễn Mai Phương	230606
544	Nguyễn Minh Phương	232144
545	Nguyễn Ngọc Nam Phương	232146
546	Nguyễn Trần Thanh Phương	246727
547	Nguyễn Trịnh Mai Phương	246728
548	Trà Lan Phương	230613
549	Trần Đức Phương	232158
550	Trần Mai Phương	273779
551	Vũ Hoàng Phương	230618
552	Võ Lê Kim Phương	232165
553	Lê Minh Quân	230622
554	Nguyễn Hồng Hà Thuận Quân	244374
555	Nguyễn Minh Quân	230623
556	Phạm Ngọc Minh Quân	233640
557	Lê Quang	230630
558	Nguyễn Vinh Quang	232192
559	Phạm Vũ Minh Quang	230635
560	Vũ Duy Quang	232193

DANH SÁCH SỐ THỨ TỰ - NỘP HỒ SƠ NHẬP HỌC VÀO 10
NĂM HỌC 2026-2027

SỐ THỨ TỰ	Họ và tên	Số báo danh
561	Hồ Đăng Thanh Quyên	244407
562	Nguyễn Bảo Quyên	307891
563	Nguyễn Bảo Quyên	230642
564	Nguyễn Hoàng Tú Quyên	244410
565	Phan Ngọc Quyên	273811
566	Đỗ Ngọc Như Quỳnh	230647
567	Hồ Nguyễn Như Quỳnh	230650
568	Ngô Ngọc Diễm Quỳnh	230653
569	Nguyễn Lê Mạnh Quỳnh	273822
570	Nguyễn Ngọc Như Quỳnh	244421
571	Nguyễn Như Quỳnh	230657
572	Nguyễn Như Quỳnh	230658
573	Nguyễn Phương Quỳnh	295896
574	Nguyễn Thanh Ngọc Quỳnh	232213
575	Nguyễn Thị Như Quỳnh	230659
576	Tô Diễm Quỳnh	307904
577	Vũ Thị Ngọc Quỳnh	230667
578	Ngô Minh Sang	232219
579	Nguyễn Hoàng Sang	230668
580	Nguyễn Nhật Sang	233676
581	Trương Hữu Sang	230670
582	Trương Ngọc Sáng	230672
583	Nguyễn Xuân Sơn	232228
584	Vũ Thanh Sơn	242296
585	Đặng Huỳnh Đức Tài	246820
586	Nguyễn Huỳnh Tấn Tài	307915
587	Nguyễn Ngọc Thành Tài	230682
588	Phạm Trí Tài	230686
589	Vũ Tiến Tài	233695
590	Huỳnh Nguyễn Thành Tâm	273847
591	Nguyễn Thị Mỹ Tâm	230689
592	Vũ Ngọc Tâm	232242
593	Đào Duy Tân	246844
594	Lã Thiên Tân	230692
595	Lê Ngọc Mỹ Tân	242323
596	Nguyễn Hoàng Tấn	232248
597	Nguyễn Đắc Tây	246847
598	Lê Trọng Quốc Thái	246853
599	Nguyễn Quốc Thái	232253
600	Trần Lê Thái	233708

SỐ THỨ TỰ	Họ và tên	Số báo danh
601	Võ Huỳnh Anh Thái	246857
602	Phạm Hồng Thắm	230700
603	Đỗ Văn Thắng	230701
604	Nguyễn Quốc Thắng	246861
605	Trần Quang Thắng	232262
606	Đặng Ngọc Đan Thanh	244496
607	Vũ Chí Thành	230716
608	Bùi Nguyễn Ngọc Thảo	230718
609	Đình Phương Thảo	230720
610	Hồ Thanh Thảo	230722
611	Hoàng Thị Thảo	230723
612	Lê Tú Hạ Thảo	230725
613	Nguyễn Ngọc Phương Thảo	230728
614	Nguyễn Thị Hiếu Thảo	230730
615	Nguyễn Trần Ngọc Thảo	230732
616	Phạm Nguyễn Hương Thảo	230733
617	Nguyễn Quốc Thiên	244537
618	Trần Hải Thiên	233752
619	Vương Quốc Thiên	230743
620	Nguyễn Minh Thiện	230748
621	Phan Quốc Thiện	230750
622	Trần Gia Thiện	230752
623	Võ Đức Thiện	242374
624	Cầm Nguyễn Trường Thịnh	233762
625	Đàm Phúc Thịnh	273911
626	Huỳnh Văn Thịnh	230756
627	Lê Ngọc Thịnh	230757
628	Nguyễn Đức Thịnh	232314
629	Nguyễn Trường Thịnh	230764
630	Phạm Trường Thịnh	244567
631	Phan Lê Phước Thịnh	232316
632	Trương Tấn Thịnh	233776
633	Nguyễn Thiên Thơ	233778
634	Mai Ngọc Kim Thoa	230771
635	Lê Nguyễn Hoàng Thông	230772
636	Trần Văn Thông	236252
637	Võ Ngọc Thông	230774
638	Trần Đỗ Kim Thu	230775
639	Lê Anh Thư	230778
640	Lê Anh Thư	230779

DANH SÁCH SỐ THỨ TỰ - NỘP HỒ SƠ NHẬP HỌC VÀO 10
NĂM HỌC 2026-2027

SỐ THỨ TỰ	Họ và tên	Số báo danh
641	Lê Đỗ Anh Thư	244584
642	Nguyễn Đào Song Thư	230782
643	Nguyễn Kim Thư	308016
644	Nguyễn Minh Thư	232339
645	Nguyễn Võ Minh Thư	230793
646	Phạm Ngọc Anh Thư	246982
647	Phan Đoàn Anh Thư	244619
648	Phan Ngọc Minh Thư	233797
649	Ung Hoài Thương	230803
650	Nguyễn Thị Thanh Thúy	230805
651	Trịnh Thị Phương Thúy	232367
652	Trần Minh Thùy	247003
653	Âu Thiên Nhã Thy	230813
654	Đặng Ngọc Bảo Thy	230815
655	Huỳnh Ngọc Bảo Thy	230817
656	Nguyễn Đăng Ca Thy	232372
657	Nguyễn Khánh Thy	230818
658	Nguyễn Ngọc Khánh Thy	277737
659	Phạm Trương Khánh Thy	233823
660	Phan Anh Thy	242437
661	Châu Thị Cẩm Tiên	235102
662	Nguyễn Mộc Thảo Tiên	230829
663	Nguyễn Ngọc Thủy Tiên	232381
664	Nguyễn Phạm Thủy Tiên	230830
665	Lê Trần Minh Tiến	230832
666	Vũ Việt Tiến	232392
667	Phan Phụng Tín	230838
668	Bùi Trọng Tính	232395
669	Hồ Phúc Thịnh Toàn	308064
670	Nguyễn Bảo Song Toàn	233851
671	Nguyễn Quốc Toàn	232398
672	Bùi Thanh Trà	273987
673	Đinh Ngọc Bảo Trâm	230845
674	Nguyễn Hoàng Bảo Trâm	232405
675	Nguyễn Lê Trâm	230849
676	Nguyễn Ngọc Bảo Trâm	230852
677	Nguyễn Phước Bảo Trâm	230853
678	Phạm Ngọc Bích Trâm	274000
679	Đặng Lê Trân	230859
680	Đặng Quỳnh Trân	230860

SỐ THỨ TỰ	Họ và tên	Số báo danh
681	Huỳnh Nguyễn Bảo Trân	232410
682	Nguyễn Ngọc Trân	230869
683	Đặng Thùy Trang	95481
684	Đào Thùy Trang	233879
685	Hồ Kiều Trang	230875
686	Lê Ngọc Thùy Trang	232422
687	Nguyễn Huỳnh Thủy Trang	230878
688	Nguyễn Thị Đoan Trang	230880
689	Nguyễn Thị Huyền Trang	230881
690	Phạm Chu Ngọc Trang	274035
691	Lê Đức Trí	230888
692	Nguyễn Đức Trí	244748
693	Nguyễn Lê Minh Trí	230889
694	Trần Đức Trí	232446
695	Trương Minh Trí	230891
696	Trương Quang Trí	230892
697	Trần Nguyễn Quang Triệu	252740
698	Nguyễn Thị Ngọc Trinh	274043
699	Dương Bình Trọng	230896
700	Nguyễn Phú Trọng	230902
701	Trần Hậu Trọng	230903
702	Dương Thanh Trúc	230905
703	Huỳnh Hồ Thanh Trúc	230906
704	Nguyễn Ngọc Cẩm Trúc	230909
705	Nguyễn Thanh Trúc	274052
706	Nguyễn Thanh Trúc	230910
707	Trần Thị Trúc	236365
708	Đinh Lê Quang Trung	230913
709	Lâm Hoàng Trung	232475
710	Nguyễn Duy Trường	230919
711	Chương Ngọc Thiên Tú	232481
712	Đặng Đình Tú	230922
713	Lê Tuấn Tú	244795
714	Nguyễn Thanh Tuấn	230931
715	Nguyễn Võ Anh Tuấn	233946
716	Trần Đức Anh Tuấn	233950
717	Nguyễn Đức Tùng	244829
718	Nguyễn Đức Thanh Tùng	230936
719	Phan Anh Tùng	232500
720	Nguyễn Kiệt Tường	270925

